

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH HÀ  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08- 7-2022

V/v tranh chấp: Ly hôn, nuôi con  
khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bình và ông Hoàng Ngọc Thành.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Thùy Dương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Tiêu Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 08/7/2022, tại trụ sở TAND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2022/TLST-HNGĐ ngày 06/4/2022, về tranh chấp: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/5/2022; Quyết định hoãn phiên toà số 05/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17/6/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đào Thị T sinh năm 1989, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn X sinh năm 1980, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

3. Người làm chứng:

- Chị Phạm Thị H sinh năm 1987; địa chỉ: Phố T, phường H, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị B sinh năm 1958, vắng mặt.

- Ông Bùi Trọng T sinh năm 1959, vắng mặt.

- Bà Trần Thị T sinh năm 1961, vắng mặt.

- Ông Đào Văn N sinh năm 1956, vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị T trình bày: Chị và anh X kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn tại

UBND xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương vào ngày 09/3/2009, hai bên chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng; nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, đời sống tình cảm vợ chồng không hoà thuận, mặc dù đã được gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không thành. Do tình cảm không còn, nên từ năm 2017 vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm tới nhau, việc ai người đó làm. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T đề nghị ly hôn anh X.

Về con chung: Chị T và anh X có hai con là Bùi Đức S sinh ngày 13/6/2010, Bùi Thanh N sinh ngày 04/6/2015, hiện tại do anh X nuôi dưỡng. Khi ly hôn, do các con đã trên 07 tuổi, có nguyện vọng ở với anh X, nên chị T đề nghị giao hai con cho anh X nuôi dưỡng. Chị T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con 1.000.000đ/tháng/con.

Về tài sản, nợ, công sức: Chị T không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật, nhưng anh X không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản nêu ý kiến quan điểm đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại Biên bản lấy lời khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, người làm chứng ông Thạch, ông Nhuận, bà Bé (bố, mẹ của đương sự), bà Tươi, chị Hằng (họ hàng của đương sự) xác định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T, anh X đã phát sinh từ lâu, gia đình đã động viên, khuyên bảo nhiều lần và không còn biện pháp nào để cải thiện tình trạng hôn nhân. Nay chị T xin ly hôn anh X, ông Nhuận, ông Thạch, bà Bé, bà Tươi, chị Hằng đề nghị giải quyết theo pháp luật. Ông Nhuận, bà Bé, ông Thạch xác định cháu S, cháu N có nguyện vọng ở với anh X, nên giao cho anh X tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Thạch xác định toàn bộ các văn bản tố tụng của Tòa án đã giao, thông báo cho anh X được biết.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành và người tham gia tố tụng (trừ anh X) đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH14. Xử, chị T ly hôn anh X; giao các con chung cho anh X nuôi dưỡng, chị T cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh X 1.000.000đ/tháng/con (hai con là 2.000.000đ/tháng) cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị T phải chịu án phí theo pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, HĐXX, nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh X đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ, hợp pháp nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do; chị T đề nghị

giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng.

[2] Về hôn nhân: Chị T, anh X kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương vào ngày 09/3/2009, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai bên đương sự phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nết, đời sống tình cảm vợ chồng không hoà thuận, nên từ năm 2017 đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau, việc ai người đó làm. Xác minh tại UBND xã T, người thân trong gia đình của đương sự, xác định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T, anh X đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án, chị T cũng như gia đình của đương sự đã thông báo cho anh X biết, nhưng anh X không khai báo, không tham gia phiên hòa giải, điều này chứng tỏ anh X không có nguyện vọng và mong muốn tìm kiếm biện pháp để cải thiện tình trạng hôn nhân với chị T. Như vậy, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xử chị T ly hôn anh X.

[3]. Về con chung: Xác định chị T, anh X có hai con là Bùi Đức S sinh ngày 13/6/2010, Bùi Thanh N sinh ngày 04/6/2015 hiện tại do anh X nuôi dưỡng. Khi ly hôn, do hai con có nguyện vọng xin được tiếp tục ở với anh X, nên chị T đề nghị giao hai con cho anh X tiếp tục nuôi dưỡng, tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con 1.000.000đ/tháng/con. Đối với anh X mặc dù không thể hiện quan điểm về việc nuôi dưỡng con chung với Toà án, nhưng thực tế các con do anh X nuôi dưỡng. Xét các cháu S, N đã trên 07 tuổi, có nguyện vọng được ở với bố (anh X); quá trình nuôi dưỡng anh X đều đảm bảo các điều kiện nuôi dưỡng; ông T (bố anh X) xác định nếu anh X được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu S, N gia đình ông có trách nhiệm hỗ trợ anh X trong việc trông nom, chăm sóc. Căn cứ Điều 81, 82, 83, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận quan điểm của chị T, nguyện vọng của hai cháu S, N và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xử giao các con chung cho anh X tiếp tục nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của chị T cấp dưỡng tiền nuôi các con là 1.000.000đ/tháng/con (hai con là 2.000.000đ/tháng), kể từ tháng 7/2022 cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị T có quyền thăm nom con, không ai được ngăn cản.

[4]. Về tài sản, nợ, công sức: Chị T không yêu cầu, nên HĐXX không giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự. Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Về hôn nhân: Chị Đào Thị T ly hôn anh Bùi Văn X.

Về con chung: Giao con Bùi Đức S sinh ngày 13/6/2010 và Bùi Thanh N sinh ngày 04/6/2015 cho anh Bùi Văn X tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Đào Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh Bùi Văn X là 1.000.000đ (một triệu)/tháng/con (tổng hai con là 2.000.000đ/tháng), kể từ tháng 7/2022 cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chị Đào Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất trên số tiền chậm thi hành cho đến khi thi hành xong. Mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Chị Đào Thị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0003431 ngày 29/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Chị T phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã T, huyện Thanh Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Mạnh Tuấn**

